TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1000/2024/HC-PT
Ngày 12 tháng 9 năm 2024
V/v *"Khiếu kiện hành vi về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Ông Dương Anh Văn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 419/2024/TLPT-HC ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc "*Khiếu kiện hành vi về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2794/2024/QĐPT-HC ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang;vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hà Công N, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ C, Khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số D đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Trần Minh K, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiên: Ông Nguyễn Lê Quốc T1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; vắng mặt và có văn bản đề nghị giải quyết mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Thanh H, chức vụ: Phó Trưởng Ban Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố P; có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Hà Công N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T *trình bày:*

Bà là người sử dụng diện tích đất khoảng hơn 4.000m^2 tọa lạc tại khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, đất có nguồn gốc do ông Lê Ngọc H1 nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị L vào năm 2005, trên đất có một căn nhà cấp 4. Ngày 19/5/2007, ông Lê Ngọc H1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu T với số tiền 900.000.000 đồng (có hợp đồng chuyển nhượng giấy tay với nhau), sau khi nhận chuyển nhượng, bà T canh tác trồng hoa màu và các loại cây lâu năm như D, Đ, T2…, làm nhà ở và sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Ngày 27/6/2014, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện (nay là thành phố) P ban hành 03 quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Thu T để thực hiện Dự án Khu P tại thị trấn (nay là phường), thành phố P, tỉnh Kiên Giang, trong đó:

- Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 thu hồi 852,10m^2;

- Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 thu hồi 147,20m^2;

- Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 thu hồi 3.144,20m^2.

Ngày 08/8/2014, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4027/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà T đối với diện tích đất bị thu hồi tại các Quyết định số 3267/QĐ-UBND và Quyết định số 3268/QĐ-UBND. Riêng đối với diện tích đất 852,10m^2 theo Quyết định thu hồi đất số 3266/QĐ-UBND thì bà T không được bồi thường, hỗ trợ.

Không đồng ý, bà T có khiếu nại gửi UBND thành phố P yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 852,10m^2 nhưng không được giải quyết và trả lời khiếu nại.

Bà T cho rằng, UBND thành phố P hơn 7 năm nay không lập phương án và ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 852,10m^2 cho bà T là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu giải quyết: Buộc UBND thành phố Phú Quốc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và ban hành quyết định bồi

thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 852,10m^2 cho bà theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P, *tỉnh Kiên Giang trình bày:*

Ngày 25/2/2014, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Thông báo số 133/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu du lịch sinh thái biển tại B.

Thực hiện, UBND thành phố đã giao cơ quan chuyên môn, đơn vị tư vấn tổ chức đo đạc, khảo sát, hoàn chỉnh hồ sơ trình thẩm định ngoại nghiệp và chuyển hồ sơ đến UBND thị trấn (nay là phường) An Thới tổ chức xét duyệt nguồn gốc đất và các chính sách khác cho hộ bà Nguyễn Thị Thu T theo quy định.

Ngày 28/5/2014, Hội đồng TVGQ ĐKĐĐ thị trấn An Thới ban hành Biên bản số 18/BB-XDHĐ về việc họp xét nguồn gốc đất của các hộ dân khu vực B, trường hợp của bà Nguyễn Thị Thu T được xét duyệt như sau:

"Nguồn gốc đất gồm 02 phần:

Phần thứ nhất: Có diện tích 3.291,4m^2 do ông Tô Đình H2 *khai khẩn năm 1986, đến năm 1994 chuyển nhượng cho ông* Phùng Thanh T3 *(chồng bà* P*), đến năm 2009 chuyển nhượng cho ông* Lê Ngọc H1*, sau đó ông* H1 *chuyển nhượng cho bà* T*, đã có thành quả trên đất, nhà được cất năm 1997,*

Phần thứ hai: Diện tích 854,1m^2 do bao chiếm sau năm 2008"

Ngày 27/6/2014, UBND huyện P ban hành 03 quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Thu T, cụ thể:

- Quyết định số 3267/QĐ-UBND thu hồi diện tích 147,20m^2;

- Quyết định số 3268/QĐ-UBND thu hồi diện tích 3.144,20m^2;

- Quyết định số 3266/QĐ-UBND thu hồi diện tích 852,10m^2.

Đồng thời ban hành Quyết định số 3188/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo quyết định thì diện tích đất 4.143,5m^2 của bà T bị thu hồi được lập phương án, bồi thường, hỗ trợ với số tiền 1.887.457.400 đồng. Cụ thể:

- Bồi thường quyền sử dụng đất (diện tích 147,2m^2 và diện tích 3.144,2m^2) số tiền là 427.882.000 đồng.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích 147,2m^2 và diện tích 3.144,2m^2) với số tiền là 1.283.646.000 đồng.

- Bồi thường về hoa màu với số tiền là 42.636.000 đồng.

- Bồi thường vật kiến trúc với số tiền là 130.303.400 đồng.

- Hỗ trợ di dời số tiền là 3.000.000 đồng.

- Diện tích đất 852,10m^2 không được bồi thường, hỗ trợ. Lý do: Bao chiếm sau năm 2008.

Đến ngày 08/8/2014, UBND huyện ban hành Quyết định số 4027/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 1.887.457.400 đồng. Theo đó, ngày 12/8/2014 số tiền đã được chi trả cho bà T (có bảng tổng hợp bồi thường kèm theo, trong đó thể hiện diện tích 852,10m^2 không được bồi thường, hỗ trợ), bà T đã giao toàn bộ diện tích đất cho Nhà nước.

Diện tích 852,10m^2 do bà T sử dụng sau năm 2008 nên không đủ điều kiện bồi thường quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 3 Điều 18 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án hành chính do hết thời hiệu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 158, 164, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 43, 50 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T.

Không chấp nhận yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất đai đối với diện tích đất 582,10m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Thu T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15/02/2024, ông Hà Công N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện có ông Hà Công N là người đại diện theo ủy quyền, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Hà Công N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định việc ban hành các quyết định hành chính của người bị kiện là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục; nội dung quyết định hành chính là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bác kháng cáo của bà T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hà Công N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt đã được Tòa triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất đai đối với diện tích 852,10m^2 là khiếu kiện

hành vi hành chính trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Căn cứ theo Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[2.2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thu T là người sử dụng diện tích đất 4.143,5m^2 tọa lạc tại Khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, đất không có tranh chấp. Để thực hiện dự án Khu P, ngày 27/6/2014 UBND thành phố P ban hành 03 quyết định thu hồi đất (số 3266/QĐ-UBND, số 3267/QĐ-UBND, số 3268/QĐ-UBND) loại đất cây lâu năm đối với bà T, đồng thời ban hành Quyết định số 3188/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (các quyết định này được ban hành tại thời điểm Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 đang có hiệu lực thi hành). Đến ngày 08/8/2014 UBND thành phố P ban hành Quyết định số 4027/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích 3.291,4m^2 (theo các Quyết định thu hồi đất số 3267/QĐ-UBND và số 3268/QĐ-UBND), diện tích đất còn lại 852,10m^2 (theo Quyết định thu hồi đất số 3266/QĐ-UBND) không bồi thường, hỗ trợ về đất đai và không có văn bản hoặc quyết định nào thể hiện nội dung có hay không việc bồi thường, hoặc hỗ trợ về đất đai đối với bà T.

Tại Biên bản xét nguồn gốc đất số 18/BB-XDHD ngày 28/5/2014 và Biên bản số 49/BB-UBND ngày 24/8/2020 thể hiện: hộ bà T sử dụng đất gồm hai phần: Diện tích đất 3.291,4m^2 có thời điểm sử dụng đất năm 1986, bà T nhận chuyển nhượng, diện tích đất này đã được bồi thường, hỗ trợ xong (bà T không khiếu nại, khởi kiện). Riêng đối với diện tích đất 852,10m^2 do bao chiếm sau năm 2008, đất này nằm ngoài ranh rừng theo Quyết định số 2163/1998/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh K về việc giao đất và cấp giấy CNQSD đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện P (nay là Vườn Quốc gia P). Về quản lý Nhà nước đối với thửa đất này UBND thành phố P không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh 852,10m^2 đất do nhà nước quản lý, nên được xác định thuộc nhóm đất chưa sử dụng. Đối với quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường được ban hành tại thời điểm Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 đang có hiệu lực thi hành.

Tại thời điểm bà T sử dụng đất là năm 2008, bà T không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 14, 15 Nghị định số 84/2004/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; thuộc trường hợp không được bồi thường về đất đai theo quy định tại Điều 43 của Luật Đất đai năm 2003 và Điều 7 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh K về việc ban hành chính

sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, thì bà T không thuộc đối tượng được hỗ trợ về đất đai, nên việc không bồi thường, hỗ trợ về đất đai cho bà T đối với diện tích đất 852,10m^2 đã có quyết định thu hồi đất là có căn cứ. Như vậy, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ, xét về thời điểm sử dụng đất, đối chiếu quy định của pháp luật về đất đai và các chính sách hỗ trợ khác như phân tích trên, thì bà T thuộc trường hợp không được bồi thường, hỗ trợ, nên không cần thiết phải buộc người bị kiện thực hiện hành vi ra quyết định hoặc thông báo không bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 852,10m^2 cho bà T. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T có người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Công N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T không được chấp nhận nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2024/HC-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

2. Căn cứ các Điều 30, 32, 158, 164, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 43, 50 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc ban hành chính sách hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T.

Không chấp nhận yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất đai đối với diện tích đất 852,10m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 về việc thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Thu T.

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007774 ngày 01/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Thọ